

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

KẾT CẤU VỊ TỪ CHUYỂN ĐỘNG VÀ THÀNH TỔ CHỈ HƯỚNG VỚI KHÁI NIỆM THUỘC TÍNH NGỮ ĐIỀU CỦA CHUỖI VỊ TỪ

TRẦN PHƯƠNG VY* - PHAN THANH TÂM**

TÓM TẮT: Bài viết này nhằm xem xét quan hệ giữa một vị từ chuyển động (a motion verb) và một thành tố chỉ hướng theo sau (a directional element) với khái niệm chuỗi vị từ (serial verb constructions) qua việc xác định ngữ điệu của cấu trúc. Sử dụng phần mềm phân tích ngữ âm Praat, bài viết đã so sánh phát âm của 32 sinh viên đang học tại Trường Đại học Công nghệ Tp. HCM (Hutech) với các câu đơn có chứa một vị từ chuyển động theo sau bởi một thành tố chỉ hướng. Phân tích dữ liệu thu âm cho thấy, khi vị từ chuyển động được sử dụng với nghĩa đen thì có một khoảng 0.05 giây hạ giọng, cũng như âm vị từ chuyển động được kéo dài trong khi kết cấu vị từ chuyển động và vị từ chỉ hướng theo sau được sử dụng như một ngoại động từ thì hoàn toàn không có quãng lặng giữa hai từ. Với kết quả phân tích thu được, tác giả bài viết cho rằng khi một vị từ chuyển động kết hợp với một vị từ chỉ hướng được từ vựng hóa (lexicalized) để mang tính ẩn dụ sẽ hình thành một kết cấu chuỗi vị từ, trong khi vị từ chuyển động được sử dụng với nghĩa đen thì từ theo sau sẽ có chức năng là giới từ chỉ hướng, kết hợp với đích là bổ ngữ của vị từ chuyển động. Đồng thời, qua khảo sát, các đối tượng khảo sát nhận định “không tự nhiên” khi vị từ chuyển động là động từ với thành tố chỉ hướng là bổ ngữ được phát âm không quãng lặng và, ngược lại, “tự nhiên” khi đó là một kết cấu chuỗi vị từ.

TỪ KHÓA: Chuỗi vị từ; vị từ chuyển động; từ chỉ hướng; thuộc tính ngữ điệu chuỗi vị từ; cấu trúc vị từ chuyển động - thành tố chỉ hướng.

NHẬN BÀI: 04/01/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/05/2026

1. Đặt vấn đề

Trong nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại, cấu trúc chuỗi vị từ (serial verb constructions - SVCs) đã trở thành một hiện tượng cú pháp - ngữ nghĩa thu hút sự quan tâm đặc biệt, nhất là trong các ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt (Bisang, 1995; Bril & Ozanne-Rivierre, 2004; Aikhenvald, 2006; Lovestrand & Ross, 2021; Haspelmath, 2016; Aikhenvald, 2018; trong số nhiều tác giả). Một trong những kết cấu gây tranh luận về mặt cú pháp và phân loại ngữ pháp là cấu trúc bao gồm một vị từ chuyển động và một thành tố chỉ hướng như *đi vào*, *chạy ra*, *bước xuống*, *nhảy lên*, v.v. Với một số tác giả, đặc biệt trong các nghiên cứu của các tác giả người Việt, các cấu trúc này được cho là SVCs, với một số tác giả khác, các kết cấu này không đáp ứng các tiêu chí thuộc tính để được xem là SVCs. Trong hầu hết nghiên cứu, kết cấu của hai kết cấu này được phân biệt dựa trên tiêu chí cú pháp (như khả năng tách biệt, vị trí đối tượng, hay khả năng hoán đổi các thành tố), hoặc ngữ nghĩa (mức độ đóng góp nghĩa độc lập của các thành tố trong kết cấu). Tuy nhiên, một hướng tiếp cận ít được quan tâm là đặc điểm ngữ điệu (prosodic features) trong lời nói tự nhiên mặc dù đây là một thuộc tính tiêu chí của SVCs. Ngữ điệu có thể phản ánh mức độ gắn kết cú pháp giữa các đơn vị để phân biệt các ngữ đoạn trong cấu trúc câu (Đỗ Tiến Thắng, 2009). Cao Xuân Hạo (2007a) khi nghiên cứu “Trọng âm và các quan hệ ngữ pháp trong tiếng Việt” đã đặt trọng tâm lên “trọng âm” và cho rằng, tiếng Việt sử dụng sự thay đổi cao độ, độ dài và cường độ âm thanh lên một từ nào đó trong cấu trúc câu để thể hiện ranh giới các đơn vị cú pháp, chẳng hạn như giữa các cụm từ hay giữa các câu đơn. Vũ Lộc (2008) cho rằng “việc phân định các bộ phận trong câu, nói chung là các phát ngôn, thường phải thể hiện bằng ngữ điệu”. (Vũ Lộc, 2008, tr.42). Đỗ Tiến Thắng (2009) chia sẻ với Cao Xuân Hạo (1998,

*Trường Đại học Hutech, Thành phố Hồ Chí Minh

**TS; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
Email: phanthanhtam@hcmussh.edu.vn

2007a) khi khẳng định trong phát ngôn tự nhiên, người nói tiếng Việt có xu hướng tạo ra khoảng lặng (pause) giữa các cụm ý nghĩa khác nhau. Khi một kết cấu được hiểu là liền mạch và thuộc cùng một đơn vị ngữ pháp, sẽ không có khoảng ngắt đáng kể. Ngược lại, nếu thành tố thứ hai mang tính chất bổ sung, giải thích hoặc có ranh giới ngữ nghĩa rõ rệt, người nói thường ngắt giọng để biểu thị điều đó. Đây chính là cơ sở quan trọng để khảo sát hiện tượng ngữ điệu như một chỉ dấu của cấu trúc cú pháp tiềm ẩn. Theo đó, khi hai vị từ đi liền nhau có quan hệ cú pháp chặt chẽ, người nói có xu hướng phát âm liền mạch, không có ngắt quãng hoặc thay đổi độ cao thanh điệu; ngược lại, nếu giữa hai thành tố có sự gián đoạn về ngữ điệu (ví dụ như ngắt nhịp, hạ giọng nhẹ hoặc kéo dài âm tiết) sẽ cho thấy mối quan hệ của các thành tố trong kết cấu không phải là một kết hợp chặt chẽ và có thể thuộc hai ngữ đoạn khác nhau.

Trên cơ sở đó, bài viết này khảo sát thuộc tính ngữ điệu như một tiêu chí bổ sung để xác định thuộc tính của SVCs và phân biệt cấu trúc này với kết cấu vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng trong tiếng Việt. Sử dụng phần mềm phân tích ngữ âm Praat, nghiên cứu này tập trung vào việc xem khoảng ngừng, độ kéo dài âm tiết và đường biểu diễn cao độ trong lời nói tự nhiên và đồng thời khảo sát nhận thức của người nghe với tính tự nhiên hoặc không tự nhiên của một kết cấu khi được phát âm liền mạch và không liền mạch, bài viết nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu: *Khác biệt ngữ điệu giữa cấu trúc SVCs và kết cấu¹ vị từ chuyển động cùng cụm giới từ trong tiếng Việt như thế nào?*

2. Những vấn đề chung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Một số thuật ngữ liên quan

a. Ngữ điệu:

Trong bài viết này, thuật ngữ “ngữ điệu” được tiếp cận theo hướng tương ứng với khái niệm “những đặc tính ngữ âm” (prosodic features), thay vì chỉ giới hạn ở cách hiểu thông thường là sự biến đổi cao độ (pitch or intonation) trong giọng nói. Những đặc tính ngữ âm bao gồm quãng lặng (pause), tính liền mạch (continuity), trọng âm (stress), nhịp điệu (rhythm) và cả cao độ của giọng nói (intonation). Trong phạm vi bài viết, ba yếu tố gồm quãng lặng, tính liền mạch và trọng âm được tập trung phân tích nhằm làm rõ quan hệ của vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng (cùng bổ ngữ của thành tố chỉ hướng nếu có) trong hai kết cấu được đề cập ở trên. Trong những trường hợp “ngữ điệu” được hiểu là “intonation” theo ý kiến của các tác giả được trích dẫn, bài viết này sẽ bổ sung trong ngoặc đơn (intonation) để làm rõ.

b. SVCs:

Thuật ngữ “SVCs” được sử dụng khi một kết cấu với hai, hoặc nhiều hơn hai, vị từ đáp ứng tất cả các tiêu chí thuộc tính của SVCs; trong đó, liên quan đến đề tài này, hai thuộc tính được quan tâm là (i) phát âm liền mạch, không quãng lặng giữa các thành tố theo “những đặc tính ngữ âm” (prosodic features) và (ii) kết cấu là một đơn vị cú pháp (a syntactic unit).

Bên cạnh các SVCs, bài viết cũng đề cập đến hai loại kết cấu động từ khác có cấu trúc động từ cố định (fixed verbal constructions) nhưng không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí thuộc tính của SVCs, bao gồm, (i) các kết cấu động từ cố định (fixed verbal constructions) mà trong đó ít nhất một thành tố không thể xuất hiện độc lập (lexical autonomy) trong một kết cấu khác như *phấn đấu*, *tập trung*, v.v. và (ii) các kết cấu động từ cố định mà trong đó có ít nhất một thành tố có từ gốc không phải động từ như *cầu nhau*, *tán tỉnh*, v.v. để kết cấu thành động từ qua quá trình văn phạm hóa và từ vựng hóa (grammaticalized and lexicalized verbal constructions). Những kết cấu động từ cố định này do là một đơn vị cú pháp của kết cấu động từ cố định, nên cũng được phát âm không có quãng lặng như một

¹ Trong bài viết này, và trong tất cả nghiên cứu của tác giả, thuật ngữ “cấu trúc” được sử dụng khi vấn đề liên quan đến hình thức cú pháp và phân tích ngữ đoạn; thuật ngữ “kết cấu” được sử dụng khi liên quan đến ngữ nghĩa của các thành tố và nghĩa kết hợp của các thành tố.

SVC. Tuy nhiên, do hai loại kết cấu này không đáp ứng đủ các tiêu chí thuộc tính của SVCs nên chúng không thuộc phạm vi thảo luận chính của bài viết.

c. Thuộc tính ngữ điệu của SVCs:

Thuộc tính ngữ điệu (prosodic property) là một trong những thuộc tính SVCs được tất cả các học giả về SVCs thống nhất với nhau (Bisang, 1995; Bril & Ozanne-Rivierre, 2004; Aikhenvald, 2006; Cleary-Kemp, 2015; Haspelmath, 2016; Aikhenvald, 2018).

Aikhenvald (2018) khẳng định thuộc tính ngữ điệu của SVCs giúp cho việc phân biệt SVCs với các cấu trúc khác do “*biên giới của một cụm từ được xác định bởi quãng lặng của việc phát âm; không có bất kì quãng lặng hay ngừng lại có thể xuất hiện giữa các thành tố của một SVC*” (Aikhenvald, 2018, tr.27). Bril và Ozanne-Rivierre (2004) khi đưa ra các thuộc tính cho SVCs đã xác định “[SVCs] *cấu thành một thực thể ngữ điệu duy nhất, không có quãng lặng*” (Bril & Ozanne-Rivierre, 2004, tr.3). Aikhenvald (2006) cho rằng một SVC mang các đặc điểm ngữ điệu của một mệnh đề đơn (monoverbal clause), nên hiện tượng ngắt ngữ điệu (intonation break) hoặc tạm dừng (pause) không xảy ra giữa các thành tố của một SVC. Lovstrand (2017) nhấn mạnh rằng ngữ điệu là yếu tố then chốt để phân biệt SVCs với các mệnh đề riêng biệt. Khi đó, khoảng ngắt ngữ âm có thể được sử dụng kết hợp với các tiêu chí cú pháp và ngữ nghĩa khác như một cách hiệu quả để phân biệt được cấu trúc nào là SVCs. Ross et al. (2015), Lovstrand và Ross (2021) cũng chia sẻ nhận định về ngữ điệu phát âm liên tục của SVCs khi cho rằng trong một SVC, các thành tố vị từ liên kết chặt chẽ về mặt ngữ điệu: không có khoảng ngắt giữa các vị từ, không có thay đổi lớn về cao độ, và các động từ thường được phát âm đều nhau về nhịp. Trong khi đó, khi hai từ không tạo thành SVCs mà chỉ là kết cấu từ mang nghĩa phân đoạn cú pháp, người nói có xu hướng tạo ra ngắt quãng, kéo dài âm tiết hoặc nhấn trọng âm ở một thành tố để biểu hiện ranh giới cấu trúc.

Như thế, với thuộc tính ngữ điệu của SVCs, các kết cấu trong tiếng Việt có kết cấu một vị từ được theo sau bởi vị từ chỉ hướng như *ập xuống, bàn lùi, bàn ra, bàn vào, bỏ qua, cho qua, đâm ra, đi sau, làm tới, nằm xuống, qua lại, tháo lui, thông qua, trở lại, vun vào, xem ra* sẽ được phát âm không có quãng lặng giữa hai thành tố trong kết cấu khi được dùng là một SVC hoặc một kết cấu động từ cố định, chiếm đơn vị cú pháp của vị từ trong cấu trúc câu như trong *leo lên vị trí giám đốc, đi lại với nhau nhiều năm rồi*, v.v.

d. Ngữ điệu và ngữ đoạn:

Với các nhà ngữ học về SVCs, tính liên mạch (continuity) và không ngắt quãng (without break) là hai yếu tố quan trọng trong việc xác định SVCs. Ở một hướng khác, theo các nhà ngữ học Việt Nam, tính nhấn mạnh của âm (stress) được quan tâm, đặc biệt trong việc phân giới ngữ đoạn. Theo Cao Xuân Hạo (1998; 2007b), trong phạm vi từ ngữ, trọng âm góp phần xác định quan hệ kết hợp giữa các tiếng và trên phạm vi rộng hơn, trọng âm có chức năng phân giới ngữ đoạn trong một câu, phân giới giữa câu này với câu khác (Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2010, tr.85).

Cũng theo Cao Xuân Hạo (1998, 2007b) mỗi câu nói đều mang một hay nhiều trọng âm, mỗi trọng âm đánh dấu một ngữ đoạn và được đặt vào âm tiết cuối hoặc duy nhất của ngữ đoạn (tr.137-139). Theo đó, dù tác giả không đề cập đến kết cấu được nghiên cứu trong bài viết này, chúng ta có thể có thể đi đến kết luận sau: khi một kết cấu là một SVC hay một kết cấu động từ đẳng lập, âm tiết cuối của kết cấu (âm tiết thứ hai khi kết cấu có hai thành tố) sẽ được phát âm mạnh hơn và liên tục khi các thành tố trong kết cấu đồng đẳng với nhau, ngược lại, khi kết cấu là một vị từ chuyển động và một giới từ của cụm giới từ theo sau thì âm tiết thứ hai được phát âm nhẹ hơn để âm tiết cuối của cụm giới từ được phát âm mạnh hơn của ngữ đoạn cụm trạng từ như trong *leo lên cây dừa, bước qua phòng kế bên, leo xuống cầu thang*, v.v. Tuy nhiên, trong trường hợp thành tố thứ hai là thành tố duy nhất của ngữ đoạn liên hệ, âm tiết thứ hai vẫn được phát âm như một trọng âm với một quãng lặng sau âm tiết thứ nhất như âm *xuống* trong *Anh ta nhẹ nhàng nằm xuống*.

2.1.2. Từ loại của thành tố chỉ hướng

Một trong những vấn đề trọng tâm khi phân tích kết cấu “vị từ chuyển động + thành tố chỉ hướng” trong tiếng Việt là việc xác định từ loại của thành tố chỉ hướng, đó là vị từ hay giới từ. Cách phân

loại này ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định bản chất cú pháp và ngữ nghĩa của toàn bộ kết cấu, từ đó ảnh hưởng đến việc chúng có được xem là SVCs hay không. Trong “Từ điển tiếng Việt” Hoàng Phê chủ biên (2003), từ *lên* động từ với nghĩa “*Di chuyển đến một chỗ, một vị trí cao hơn, hay là được coi là cao hơn*” (tr.710) và đồng thời cũng có thể là dùng phụ sau động từ với nghĩa 7, 8 và 9, trong đó nghĩa 7 “*Từ biểu thị hướng di chuyển đến một vị trí cao hơn hay ở phía trước*” (tr.710); các từ *lại* (tr.678), *xuống* (tr.1473), *vào* (tr.1393), *qua* (tr.1007), v.v. cũng được giải thích tương tự.

Trong thực tế, những từ chỉ hướng như “*về, lên, vào, ra, v.v*” thường xuyên xuất hiện sau vị từ chuyển động, ví dụ như trong câu “*Tôi chạy vào nhà*”. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào vị trí trong câu thì khó xác định rõ từ loại. Chẳng hạn, không thể đảo cụm từ thành “*Vào nhà tôi chạy*” như với trạng ngữ thông thường. Điều này cho thấy “*vào*” không chỉ đơn thuần là một giới từ. Theo Nguyễn Lai (1977), những thành tố chỉ hướng là hiện tượng V2 - tức là vị từ thứ hai trong SVCs. Về mặt ngữ nghĩa, V2 làm rõ hướng chuyển động không gian của động từ trước nó - phát huy nghĩa từ vựng ban đầu; còn về mặt cú pháp, V2 duy trì mối liên kết giữa động từ chính và cụm chỉ địa điểm hay vai trò liên kết cú pháp - chức năng của giới từ. Chính vì điều này, Nguyễn Lai (1977) gọi từ loại này là trạng - giới từ. Nguyễn Lai (1977, 1989) cho rằng các thành tố như “*vào*”, “*lên*”, “*về*” tuy có thể giữ vai trò vị ngữ trong một số câu rút gọn (“*Chim về tổ*”, “*Tàu về Hà Nội*”), nhưng thực chất những câu như vậy là dạng giản lược của kết cấu đầy đủ có động từ chỉ cách thức vận động như “*Chim bay về tổ*”, “*Tàu chạy về Hà Nội*”, (Lai, 1977; 1989). Trong các trường hợp này, vị từ chuyển động đã được tiền giả định, và từ chỉ hướng thực chất đóng vai trò tương đương với giới từ. Hơn nữa, các kết cấu kiểu này vẫn cho phép chèn trạng ngữ để bổ nghĩa cho vị từ chính mà không làm thay đổi ý nghĩa toàn bộ kết cấu - điều này trái với đặc tính liên kết chặt chẽ của các vị từ trong SVCs thực sự.

Ở góc độ rộng hơn, Cao Xuân Hạo (2007b) cho rằng, việc phân loại từ loại trong tiếng Việt không nên dựa thuần túy vào hình thức, mà cần đặt trong ngữ cảnh sử dụng cụ thể vì tiếng Việt có nhiều từ đa chức năng và có thể chuyển đổi linh hoạt giữa các loại từ mà không cần biến đổi hình thái. Do đó, các từ như “*lên, về, vào, ra*” có thể vừa đóng vai trò là bổ ngữ vị từ trong câu, vừa là tiểu từ định hướng không gian, tùy thuộc vào vị trí và mối quan hệ với các thành tố khác.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Được thực hiện với phương pháp nghiên cứu định lượng, bài viết này chủ yếu phân tích theo định lượng cường độ (intensity), cao độ (pitch) và thời gian quãng lặng (pause duration) trong các file ghi âm từ 32 đối tượng khảo sát, độ tuổi từ 19 đến 22 với 27 Nữ và 5 Nam, là sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH). Trong việc phân tích, bài viết này áp dụng phương pháp miêu tả, so sánh để tìm điểm chung về cường độ, cao độ và quãng lặng của các phát âm với các từ được quan tâm. Với dữ liệu ghi nhận nhận thức về tính tự nhiên trong cách phát âm, phương pháp phân tích được sử dụng để tổng hợp kết quả trả lời của các đối tượng nghiên cứu. Với dữ liệu ghi âm, phương pháp so sánh dựa trên ghi nhận phát âm của các đối tượng nghiên cứu hiển thị với phần mềm Praat về cường độ, cao độ và thời gian của các quãng lặng. Phương pháp đối chiếu cũng được sử dụng nhằm xem xét tương đồng và khác biệt về cấu trúc ngữ pháp giữa tiếng Việt và tiếng Anh với cả hai kết cấu được nghiên cứu. Cuối cùng, phương pháp miêu tả được áp dụng để trình bày những ghi nhận và thực hiện việc báo cáo kết quả nghiên cứu.

Để thực hiện việc nghiên cứu, bài viết này sử dụng ba công cụ hỗ trợ nghiên cứu gồm: a) các câu khảo sát phát âm; b) các câu hỏi khảo sát nhận thức với ngữ điệu trong các câu được ghi âm sẵn, và c) phần mềm phân tích ngữ âm Praat.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả phân tích dữ liệu thu âm

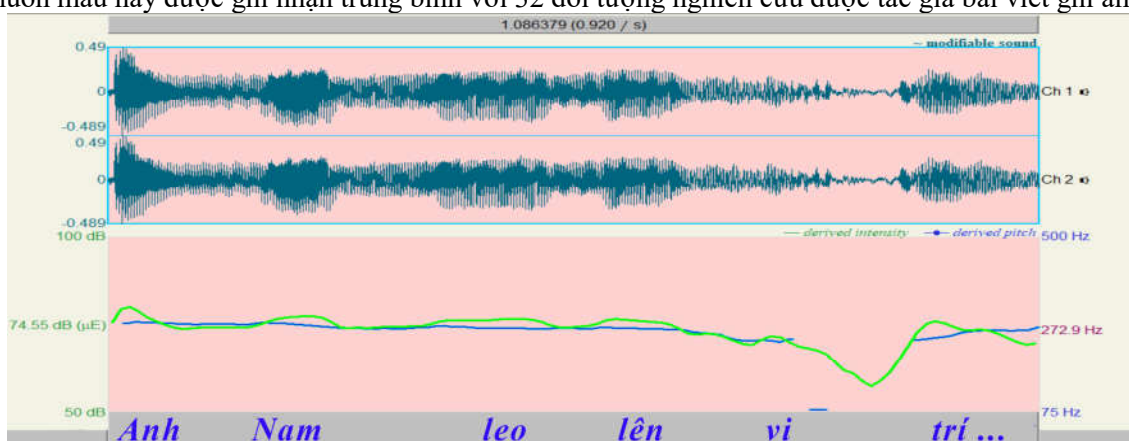
Bảng 1 dưới đây trình bày tóm tắt đặc trưng ngữ điệu của hai loại kết cấu (i) SVCs và (ii) vị từ chuyển động được theo sau bởi thành tố chỉ hướng của một cụm giới từ (VTCD + TTCH, trong bảng). Trong bảng 1 này, các thông số được tính theo trung bình ngữ điệu phát âm của 32 đối tượng khảo sát. Như bảng 1 trình bày, khoảng lặng trung bình (theo giây) của kết cấu SVCs là 0.0063 giây so với khoảng lặng lớn hơn rất nhiều 0.0490 của kết cấu vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng thể

hiện tính liền mạch ngữ điệu. Mức hạ giọng (F0 giảm) ở cụm SVC rất nhẹ (trung bình từ 8-14 Hz), thời lượng phát âm của vị từ chuyển động trung bình khoảng 0.28-0.32 giây, và cường độ âm thanh duy trì ở mức 71-74 dB.

Bảng 1. Tóm tắt đặc trưng ngữ điệu theo loại kết cấu

Đặc điểm ngữ điệu	SVCs	VTCD + TTCH
Khoảng lặng trung bình (giây)	0.0063	0.0490
Số lượt có khoảng lặng > 0.01s	0	120
Mức hạ giọng trung bình (Hz)	13.2	105.5
Thời lượng vị từ trung bình (giây)	0.299	0.532
Cường độ trung bình âm thứ hai (dB)	72.9	66.6

Hình 1 dưới đây minh họa sóng âm, cường độ (đường xanh lá cây) và cao độ (đường xanh dương) của phát âm câu *Anh Nam leo lên vị trí Giám đốc nhanh chóng* (câu phát âm được đưa vào để tiện theo dõi) được thực hiện bởi một giọng Nữ, người Đồng Nai (miền Nam Việt Nam). Biểu đồ cho thấy hai âm *leo* và *lên* được phát âm liền mạch không có quãng lặng và hai âm hầu như được phát âm với cường độ như nhau, đặc biệt âm *lên* có phần đi lên đôi chút khi kết thúc âm. Chênh lệch về cường độ hai âm là 76.66 dB cho *leo* và 76.51 dB cho *lên* với cường độ thấp nhất giữa hai âm là 74.36 dB. Khuôn mẫu này được ghi nhận trung bình với 32 đối tượng nghiên cứu được tác giả bài viết ghi âm.

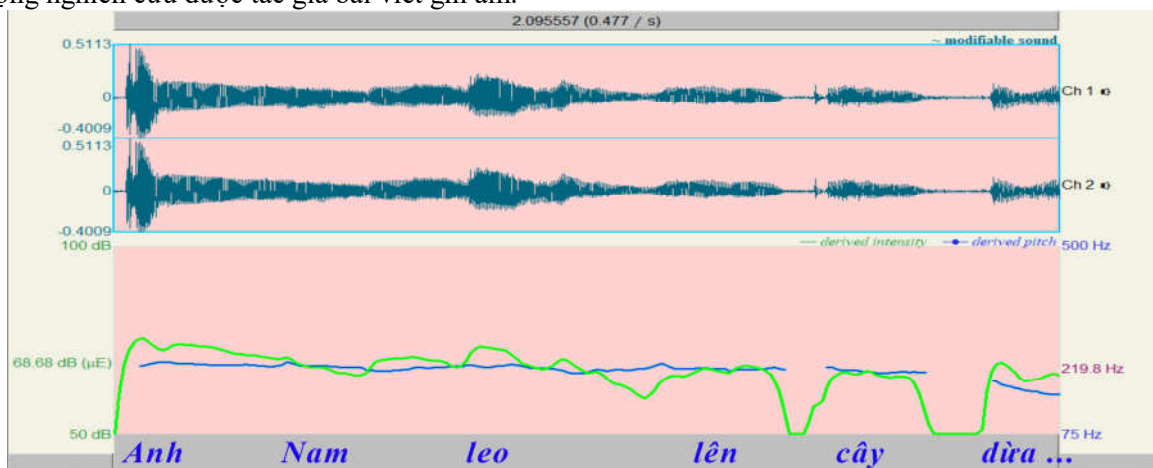


Hình 1. Biểu đồ sóng âm, cường độ và cao độ của câu “Anh Nam leo lên vị trí giám đốc nhanh chóng.” (trích xuất từ Praat với câu ghi âm được tác giả bổ sung)

Kết quả phân tích ghi âm cho thấy trong câu “Anh Nam leo lên vị trí giám đốc nhanh chóng”, hai từ “leo” và “lên” được phát âm liền mạch, không có quãng lặng. Điều này phản ánh tính chất đặc trưng của SVCs là ngữ điệu liền tục. Trong trường hợp này, “leo lên” không mang nghĩa chuyển động không gian mà là “thăng tiến” về chức vụ trong xã hội (vị trí giám đốc), cho thấy kết cấu này đã được từ vựng hóa (lexicalized) để mang tính ẩn dụ. Khi vị từ chuyển động kết hợp với vị từ chỉ hướng mang tính ẩn dụ và tạo thành một đơn vị ngữ nghĩa duy nhất, ta có thể xác định đây là SVCs. Tính liền mạch của ngữ điệu khi *leo lên* được phát âm cho thấy tiêu chí thuộc tính ngữ điệu của SVCs được đáp ứng và có thể coi kết cấu là một SVC được từ vựng hóa (a lexicalized serial verb construction) trong tiếng Việt.

Ngược lại, ở các câu chứa “Vị từ chuyển động + Thành tố chỉ hướng”, có 25-29 sinh viên trên tổng số 32 xuất hiện khoảng ngắt rõ rệt giữa hai từ, với độ dài trung bình từ 0.046-0.055 giây. Mức hạ giọng trung bình cao hơn đáng kể (khoảng 95-114 Hz), thời lượng phát âm của vị từ chuyển động thường kéo dài hơn (0.50-0.57 giây), và cường độ âm thanh thấp hơn rõ rệt (trung bình 65-67 dB).

Hình 2 dưới đây minh họa sóng âm, cường độ, và cao độ câu phát âm *Anh Nam leo lên cây dừa nhanh chóng* được thực hiện bởi giọng Nữ, người Vĩnh Phúc (miền bắc Việt Nam). Biểu đồ cho thấy một quãng hạ giọng kéo dài khoảng ~0.2099 giây từ kết thúc âm *leo* đến bắt đầu âm *lên* với cường độ phát âm. Chênh lệch về cường độ hai âm là 73.14 dB cho *leo* và 67.99 dB cho *lên* có phần tương đương với ghi nhận trong biểu đồ hình 1 ở trên. Khuôn mẫu này được ghi nhận phổ biến với 32 đối tượng nghiên cứu được tác giả bài viết ghi âm.



Hình 2. Biểu đồ sóng âm, cường độ và cao độ của câu “Anh Nam leo lên cây dừa nhanh chóng.” (trích xuất từ Praat với câu ghi âm được tác giả bổ sung)

Trong câu “leo lên cây dừa”, từ “lên” có cao độ (pitch) giảm mạnh (~220 Hz → 110 Hz), và có quãng lặng (pause) ngắn (~0.05 giây), phản ánh vai trò của “lên” như giới từ chỉ hướng, được tách biệt với “leo” - không phải vị từ thứ hai cùng với “leo” thành một khối liên mạch như trong SVCs. Điều này phản ánh vai trò của “lên” như một giới từ chỉ hướng, liên kết vị từ “leo” với bổ ngữ chỉ nơi chốn “cây dừa”. Trong trường hợp này, “lên” không mang nghĩa ẩn dụ và không tạo thành một đơn vị ngữ nghĩa mới cùng với “leo”. Do đó, kết cấu “leo lên cây dừa” không phải là SVCs, mà là kết cấu “vị từ chuyển động và giới từ chỉ hướng”.

3.2. Kết quả từ khảo sát nhận thức về tính tự nhiên của ngữ điệu

Bảng 2 trong trang sau trình bày tổng hợp đánh giá tính tự nhiên trong ngữ điệu của các phát âm được tác giả bài viết thực hiện có chủ ý theo hai ngữ điệu liên mạch và không liên mạch với cả hai kết cấu được nghiên cứu. Nhưng bảng 2 cho thấy, khi một kết cấu SVC được phát âm liên mạch như đi lại trong *Anh Nam đi lại với cô Nữ từ lâu rồi* có 93,7% đối tượng khảo sát đánh giá “tự nhiên” và khi kết cấu được phát âm không liên mạch một cách có chủ ý, 16,7% đối tượng khảo sát cho rằng ngữ điệu “tự nhiên” so với 83,3% cho rằng “không tự nhiên”. Kết quả này hoàn toàn ngược lại khi kết cấu vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng như *đi lại cái vồng đầu nhà* có 86,7% cho rằng “tự nhiên” khi ngữ điệu phát âm không liên mạch, và 76,7% cho rằng “không tự nhiên” khi *đi lại* được phát âm liên mạch, không có quãng lặng.

Bảng 2. Kết quả khảo sát nhận thức ngữ điệu

Loại câu	Kiểu đọc	Số câu	Đánh giá "tự nhiên"		Đánh giá "không tự nhiên"	
			Lượt đánh giá	%	Lượt đánh giá	%
SVCs	Liên mạch	3	28/32	93.3	2/32	6.7
	Ngắt quãng	3	5/32	16.7	25/32	83.3
VTCD + TTCH	Ngắt quãng	3	26/32	86.7	4/32	13.3
	Liên mạch	3	7/32	23.3	23/32	76.7

Sự phân biệt rõ rệt trong đánh giá cho thấy người bản ngữ có khả năng cảm nhận được sự phù hợp ngữ điệu - cú pháp dựa trên trực giác ngôn ngữ và có khả năng cảm nhận chính xác ranh giới cú pháp thông qua ngữ điệu, đồng thuận với quan điểm về ngữ điệu tiếng Việt của Cao Xuân Hạo (2001) và Đỗ Tiến Thăng (2009), trong đó cao độ, quãng lặn và độ dài âm tiết đóng vai trò xác định đơn vị cú pháp. Tương tự, như các tác giả nghiên cứu về SVCs ghi nhận (Bisang, 1995; Bril & Ozanne-Rivierre, 2004; Aikhenvald, 2006; Lovestrand & Ross, 2021; Haspelmath, 2016; Aikhenvald, 2018; và nhiều tác giả khác), thuộc tính ngữ điệu (prosodic property), bao gồm chủ yếu quãng lặn (pause), tính liên mạch (continuity) và trọng âm (stress), là điều kiện quan trọng để phân biệt SVCs với các kết cấu có hình thái tương tự.

Theo kết quả phân tích trên, tác giả bài viết cho rằng kết cấu vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng của cụm giới từ không thể là một kết cấu SVC khi thuộc tính ngữ điệu của SVCs không được đáp ứng. Như thế, về mặt cú pháp, trong khi một cấu trúc SVC như *leo lên* trong *Anh ta leo lên vị trí Giám đốc nhanh chóng*, hoặc *đi lại* trong *Anh Nam đi lại với cô Nữ từ lâu rồi* chiếm một đơn vị cú pháp và lấy phần còn lại của câu là bổ ngữ cho vị từ thì hai cấu trúc trên trong *Anh Nam leo lên cây dừa nhanh chóng* và *Anh Nam đi lại cái vồng đầu nhà* có vị từ là *leo* và *đi* với cụm giới từ *lên cây dừa* là bổ ngữ cho *leo* và cụm giới từ *lại cái vồng* là bổ ngữ cho vị từ *đi*. Kết cấu cú pháp này, thực sự, được nhận thức và sử dụng bởi người bản ngữ dựa trên ngữ nghĩa của từ vựng trong toàn bộ cấu trúc câu đơn mệnh đề, cụ thể vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng được nhận thức và sử dụng theo nghĩa cụ thể của từ (nghĩa đen) với tham tố bổ ngữ cho giới từ là một tham tố cụ thể (a concrete object); ngược lại, khi vị từ chuyển động và thành tố theo sau được nhận thức theo ẩn dụ được từ vựng hóa, cấu trúc được nhận thức và sử dụng liên mạch để trở thành một SVC.

Đối chiếu với tiếng Anh, kết cấu [vị từ chuyển động + {từ chỉ hướng + bổ ngữ đích}] hoàn toàn tương tự về mặt ngữ nghĩa và cả cú pháp kể cả khi được một trạng từ bổ nghĩa, như:

Anh ta leo lên cây dừa thật nhanh. → *He climbed up the coconut tree quickly.*

Anh ta leo thật nhanh lên cây dừa. → *He climbed quickly up the coconut tree quickly.*

Ngược lại khi kết cấu tương tự trong tiếng Việt được sử dụng khi kết cấu được từ vựng hóa để trở thành một SVC thì việc chuyển dịch ra tiếng Anh có những khác biệt nhất định, như:

Anh ta leo lên vị trí Giám đốc rất nhanh. → *He quickly climbed the ranks to become the director.*

Họ đã đứng lên chống lại chế độ độc tài. → *They stood up against the dictatorship.*

Ngay cả với thí dụ sau, về mặt hình thái có phần tương tự nhau, tuy nhiên *stood up* trong tiếng Anh là một động từ kép với kết cấu một động từ và một tiểu từ (particle) trong khi *leo lên* trong tiếng Việt là một SVC kết hợp bởi hai động từ.

Với tiếng Anh là một ngôn ngữ không SVCs (non-serialization language), những điểm tương đồng về mặt ngữ nghĩa và cú pháp của kết cấu tiếng Việt [vị từ chuyển động + {từ chỉ hướng + bổ ngữ đích}] cho thấy kết cấu không thể là một SVC. Ngược lại, khi kết cấu là một SVC trong tiếng Việt để được phát âm liên mạch, việc chuyển dịch ra tiếng Anh không thể có kết cấu tương tự. Cũng cần lưu ý, với câu tiếng Việt như *Anh ta leo lên vị trí Giám đốc rất nhanh*, trạng từ vẫn có thể bổ ngữ cho *leo* để chen giữa *leo* và *lên* như *Anh ta leo rất nhanh lên vị trí Giám đốc*; tuy nhiên, trong trường hợp này *leo* được dùng như một ẩn dụ và tính SVCs của *leo lên* không còn được duy trì.

Đóng góp của bài viết:

Về mặt lý thuyết, bài viết góp phần mở rộng phạm vi nghiên cứu về SVCs trong tiếng Việt từ góc độ ngữ điệu. Trong khi hầu hết các nghiên cứu tập trung vào ngữ nghĩa và cú pháp của SVCs, bài viết này bổ sung một tiêu chí nhận diện khác: dấu hiệu ngữ điệu, đặc biệt là độ ngắt quãng và sự kéo dài âm tiết. Thông qua việc làm rõ sự khác nhau giữa SVCs đích thực và kết cấu vị từ chuyển động - thành tố chỉ hướng, bài viết góp phần hệ thống hóa tiêu chí phân loại cấu trúc SVCs trong tiếng Việt.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu có thể được ứng dụng trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ, đặc biệt trong việc luyện phát âm và hiểu ý nghĩa kết cấu động từ trong phát ngôn. Với việc chỉ ra sự khác biệt ngữ điệu giữa hai loại kết cấu, giáo viên có thể hướng dẫn cách nói chính xác,

từ đó giúp học viên phân biệt nghĩa đen và nghĩa ẩn dụ trong các kết cấu vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng.

4. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung làm rõ mối liên hệ giữa ngữ điệu và cấu trúc cú pháp - ngữ nghĩa của các kết cấu vị từ trong tiếng Việt, đặc biệt là trong việc phân biệt giữa SVCs với kết cấu vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng. Thông qua phân tích dữ liệu thu âm và khảo sát đánh giá nhận thức người nghe, nghiên cứu đã chỉ ra những khác biệt rõ ràng về đặc điểm ngữ điệu giữa hai loại kết cấu.

Kết quả thu được cho thấy: các SVCs thường được phát âm liền mạch, không có quãng lặng hoặc hạ giọng giữa các vị từ, thể hiện tính gắn kết ngữ điệu phù hợp với các tiêu chí phân loại SVCs của Aikhenvald (2006). Ngược lại, các kết cấu vị từ chuyển động và thành tố chỉ hướng thể hiện đặc điểm ngữ điệu rõ ràng của một ranh giới cú pháp: có hiện tượng hạ giọng (~0.05 giây), có sự kéo dài âm tiết ở vị từ chuyển động và đôi khi có ngắt hơi, cho thấy từ theo sau không còn giữ vai trò vị từ mà mang chức năng của một giới từ. Dựa theo kết quả thu được, nghiên cứu này cho thấy ngữ điệu là một chỉ tố quan trọng không chỉ trong phân tích ngữ âm mà còn trong xác định ranh giới cấu trúc cú pháp và có thể phản ánh sự khác biệt về cấu trúc và ý nghĩa của các loại kết cấu vị từ. Sự phù hợp giữa phân tích ngữ âm và nhận thức ngôn ngữ của người bản ngữ thể hiện qua khảo sát cũng củng cố thêm vai trò của ngữ điệu như một tiêu chí đáng tin cậy trong việc xác định SVCs tiếng Việt.

Đối chiếu với tiếng Anh, một ngôn ngữ phi chuỗi vị từ, kết cấu [vị từ chuyển động + cụm giới từ] hoàn toàn tương tự về ngữ nghĩa và cú pháp, cho thấy đây không thể là một SVC trong tiếng Việt. Ngược lại, với kết cấu chuỗi vị từ, việc đối chiếu với tiếng Anh cho thấy không thể có một kết cấu tương đương về ngữ nghĩa và cú pháp.

Từ góc độ lý thuyết, nghiên cứu góp phần mở rộng khung phân tích SVCs trong tiếng Việt theo hướng tích hợp giữa ngữ pháp - ngữ nghĩa và ngữ điệu. Tuy nhiên, số lượng đối tượng khảo sát hạn chế có thể ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của bài viết. Ngoài ra, bài viết chưa xem xét đến yếu tố âm vực “bằng - trắc” của thanh điệu, được cho có thể ảnh hưởng đến tính liền mạch hay ngắt quãng của chuỗi âm tiết. Bên cạnh đó, một số đối tượng khảo sát khi thực hiện ghi âm có tính “đọc” thay vì “nói” nên ít nhiều ảnh hưởng đến ngữ điệu để phát âm. Để có những kết quả thiết thực hơn, tác giả bài viết đề nghị các nghiên cứu tiếp theo thực hiện với các biến thể vùng miền, bối cảnh giao tiếp tự nhiên nhằm làm rõ hơn nữa vai trò của ngữ điệu đối với hệ thống vị từ tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Cao Xuân Hạo (1978), *Trọng âm và các quan hệ ngữ pháp trong tiếng Việt*, trong *Thông báo ngữ âm học*, Viện Khoa học xã hội Tp. Hồ Chí Minh, tr.65-76.
2. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt - Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, tr.137-156.
3. Cao Xuân Hạo, (2007a), *Tiếng Việt - Sơ thảo Ngữ pháp Chức năng (tái bản lần 3)*, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Cao Xuân Hạo, (2007b), *Tiếng Việt - Một số vấn đề Ngữ âm, Ngữ nghĩa, Ngữ pháp (tái bản lần 3)*, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Đỗ Tiến Thắng (2009), *Ngữ điệu tiếng Việt sơ khảo*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.
6. Nguyễn Lai (1977), “Một vài đặc điểm của nhóm từ chỉ hướng được dùng ở dạng động từ trong tiếng Việt hiện đại”. *Tạp chí Ngôn ngữ* (số 3).
7. Nguyễn Lai (1989), “Ghi nhận thêm về bản chất nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt hiện đại”. *Tạp chí Ngôn ngữ*, (1-2).
8. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2010), “Ngữ điệu và trọng âm trong việc đánh dấu tiêu điểm và cấu trúc tiêu điểm”, trong *Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM*, số 20.
9. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
10. Vũ Lộc (2008), “Ngữ pháp lý thuyết và ngữ pháp thực hành (Ngữ liệu tiếng Nga)”. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, (158), tháng 12.

Tiếng Anh

11. Aikhenvald, A. Y. (2006), *Serial Verb Construction - A Cross-Linguistic Typology*. United States: Oxford University Press.
12. Aikhenvald, A. Y. (2018), *Serial Verbs*. Oxford Studies in Typology and Linguistic Theory.
13. Bisang, W. (1995), Verb serialization and converbs - differences and similarities. In *Converbs in Cross-linguistic Perspective: Structure and Meaning of Adverbial Verb Forms - Adverbial Particles, Gerunds -*, Martin Haspelmath and Ekkehard König (eds.), pp.137-188. Berlin: Mouton de Gruyter.
14. Bril, I. & Ozanne-Rivierre, F. (2004), Complex nuclei in Oceanic languages: Contributing to an aerial typology. In *Complex Predicates in Oceanic*.
15. Haspelmath, M. (2016), The Serial Verb Construction: Comparative Concept and Cross-linguistic Generalizations. In *Language and Linguistics*, Vol. 17(3), pp. 291-319.
16. Lovstrand, J. (2017), An overview of the literature on serial verb constructions. Uploaded by the author, available at:
17. https://www.academia.edu/31061255/DRAFT_An_overview_of_the_literature_on_serial_verb_constructions_Jan_24_2017
18. Lovstrand, J. & Ross, D. (2021), Serial verb constructions and motion semantics. In Guillaume, Antoine & Harold Koch (eds.) *Associated Motion (Empirical Approach to Language Typology)*. Berlin & Boston: De Gruyter Mouton.
19. Ross, D. (2020), *Pseudo-coordination, Serial Verb Constructions and multi-verb predicates: The relationship between form and structure*. University of Illinois at Urbana-Champaign Ph.D. dissertation.
20. Ross, D.; Grunow, R.; Lac, K.; Jabbour, G. & Dempsey, J. (2015), Serial Verb Constructions: A distributional and typological perspective. *Presented at Illinois Language and Linguistics Society (ILLS) 7*, University of Illinois at Urbana-Champaign, April 17, 2015. Available at <http://hdl.handle.net/2142/88844>. (April 23.2020).

**Vietnamese motion verb - directional element constructions
in light of the prosodic properties of serial verb constructions**

Abstract: This study investigates the relationship between a motion verb and a following directional element in relation to the concept of serial verb constructions (SVCs), focusing specifically on their prosodic features. Utilizing the phonetic analysis software Praat, the author conducted a comparative study of the pronunciation patterns of 32 university students at Hutech. Analysis of audio recordings revealed that when the motion verb is used literally, there is a noticeable pitch lowering of approximately 0.05 seconds, and the duration of the motion verb is lengthened. In contrast, when the motion verb and directional element are used as a transitive verb, there is no pause or prosodic break between the two elements. Based on these findings, the study argues that when a motion verb is combined with a lexicalized directional verb in a metaphorical sense, it constitutes a serial verb construction. Conversely, when the motion verb is used literally, the following directional word functions as a directional preposition, taking a goal phrase as its complement. Additionally, the survey results show that participants perceived the absence of a prosodic break between a motion verb and its directional complement as “unnatural”, whereas they found the presence of a prosodic break more “natural” when the structure was interpreted as an SVC.

Key words: Serial verb constructions; motion verb; prosodic property of serial verb constructions; motion verb - directional element constructions.